

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC- DẠY NGHỀ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ 1.2023**

**CÔNG TY CỔ  
PHẦN SÁCH  
ĐẠI HỌC -  
DẠY NGHỀ**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ  
DN: C=VN, L="Số 25, Hàn Thuyên, Phường  
Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành  
phố Hà Nội, Việt Nam",  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:  
0101517669, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ,  
E=lequangdung@hevobooks.com, CN=CÔNG  
TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ  
Reason: I am the author of this document  
Location:  
Date: 2023-04-18 11:09:39  
Foxit Reader Version: 9.3.0

---

Tháng 04 năm 2023

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	1-2
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	3
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	4
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	5-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.140.912.957</b>	<b>16.550.015.872</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>880.802.736</b>	<b>2.929.422.991</b>
1. Tiền	111		880.802.736	2.929.422.991
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.177.052.402</b>	<b>1.210.223.394</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.439.309.139	1.455.348.624
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	53.461.644	70.593.151
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	7	(315.718.381)	(315.718.381)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>7.017.862.820</b>	<b>7.409.254.488</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.568.920.168	7.960.311.836
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(551.057.348)	(551.057.348)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>65.194.999</b>	<b>1.114.999</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	65.194.999	1.114.999
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.520.441.934</b>	<b>1.520.441.934</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>65.072.000</b>	<b>65.072.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	65.072.000	65.072.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>856.787.534</b>	<b>856.787.534</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	856.787.534	856.787.534
- Nguyên giá	222		1.315.932.400	1.315.932.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(459.144.866)	(459.144.866)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>598.582.400</b>	<b>598.582.400</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	598.582.400	598.582.400
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>17.661.354.891</b>	<b>18.070.457.806</b>



Trần Đình Hoàng  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2023

Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>1.715.466.306</b>	<b>2.042.699.291</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.715.466.306</b>	<b>2.042.699.291</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	1.514.214.603	744.720.978
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	3.800.000	3.800.000
3. Thuế và các tài khoản nộp nhà nước	313	13	11.981.850	372.089.312
4. Phải trả người lao động	314		(72.313.945)	441.565.203
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	58.374.735	85.174.735
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		199.409.063	395.349.063
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>15.945.888.585</b>	<b>16.027.758.515</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>15.945.888.585</b>	<b>16.027.758.515</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		962.203.411	962.203.411
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.093.685.174	3.175.555.104
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.175.555.104	1.175.555.104
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(81.869.930)	1.400.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>17.661.354.891</b>	<b>18.070.457.806</b>



Trần Đình Hoàng  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2023

Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Phụ trách kế toán


Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Quý 1.2023*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	2.659.181.269	15.136.343.329
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>2.659.181.269</b>	<b>15.136.343.329</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	2.080.681.282	12.373.143.663
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>578.499.987</b>	<b>2.763.199.666</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.491.138	21.390.359
7. Chi phí bán hàng	25		88.053.023	134.647.428
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		574.808.032	1.898.252.101
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+21-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>(81.869.930)</b>	<b>751.690.496</b>
10. Thu nhập khác	31		0	60.936.127
11. Chi phí khác	32		0	60.936.127
<b>12. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(81.869.930)</b>	<b>751.690.496</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	0	100.000.000
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>(81.869.930)</b>	<b>651.690.496</b>



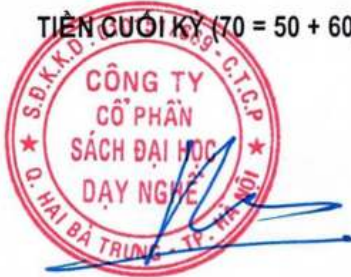
Trần Đình Hoàng  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2023

  
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Phụ trách kế toán


  
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Quý 1.2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	851.095.080	7.784.261.077
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.683.052.950)	(7.529.183.688)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(721.475.333)	(1.085.028.000)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(268.189.544)	(162.128.649)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	32.559.927	70.831.673
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(262.048.573)	(527.055.173)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.051.111.393)</b>	<b>(1.448.302.760)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ của đơn vị khác	24	0	3.000.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.491.138	21.390.359
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.491.138</b>	<b>3.021.390.359</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.347.243.660)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.347.243.660)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>	<b>(2.048.620.255)</b>	<b>225.843.939</b>
<b>TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>2.929.422.991</b>	<b>2.053.105.042</b>
<b>TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>880.802.736</b>	<b>2.278.948.981</b>



Trần Đình Hoàng  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2023

  
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Phụ trách kế toán

  
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ - TC ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28 tháng 7 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất ngày 27 tháng 6 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 05 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Công ty là 10.000.000.000 VND.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty tại 25 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 23 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành, báo, tạp chí bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	462A/3, Trần Hưng Đạo - Phường 02 - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập theo cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

#### Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán.

##### *Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Phí quản lý xuất bản, phí mua bản quyền ấn phẩm cho các loại sách được phân bổ căn cứ số lượng sách in nhập kho.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### Vốn chủ sở hữu

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

*Thặng dư vốn cổ phần:* Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

*Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:*

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Phát hành sách Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Mỹ thuật Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Ban lãnh đạo Công ty

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Tiền mặt	87.148.965	104.340.919
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	793.653.771	2.825.082.072
<b>Cộng</b>	<b>880.802.736</b>	<b>2.929.422.991</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<i>a) Bên liên quan</i>	<b>781.656.950</b>	<b>16.276.000</b>
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	40.712.100	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	160.760.600	-
Công ty CP Mĩ thuật và truyền thông	5.100.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	558.808.250	-
Công ty CP Phát hành sách giáo dục	16.276.000	16.276.000
<i>b) Đối tượng khác</i>	<b>2.657.652.189</b>	<b>1.439.072.624</b>
Công ty CP nghiên cứu, ứng dụng và thực nghiệp công nghệ REAP	257.400.000	257.400.000
Công ty CP Tri thức văn hóa sách Việt nam	170.683.945	225.200.225
Công ty CP In và vật tư Hải Dương	1.202.520.110	-
Các đối tượng khác	1.027.048.134	956.472.399
<b>Cộng</b>	<b>3.439.309.139</b>	<b>1.455.348.624</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Ký cược, ký quỹ	78.572.000	78.572.000
Lãi dự thu	57.093.151	57.093.151
<b>Cộng</b>	<b>135.665.151</b>	<b>135.665.151</b>

**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm</i>	3.630.900	3.630.900
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến 2 năm</i>	15.000.000	15.000.000
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm</i>	14.000.000	14.000.000
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn trên 3 năm</i>	283.087.481	283.087.481
<b>Cộng</b>	<b>315.718.381</b>	<b>315.718.381</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị: VND*

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên vật liệu	318.986.106	-	322.642.770	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	6.350.600.925	(540.712.643)	6.738.301.139	(540.712.643)
Hàng hóa	899.333.137	(10.344.705)	899.367.927	(10.344.705)
<b>Cộng</b>	<b>7.568.920.168</b>	<b>(551.057.348)</b>	<b>7.960.311.836</b>	<b>(551.057.348)</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị: VND*

	31/03/2023	01/01/2023
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>65.194.999</b>	<b>1.114.999</b>
Phí quản lý xuất bản	65.194.999	1.114.999
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>598.582.400</b>	<b>598.582.400</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	478.333.460	478.333.460
Chi phí bản quyền bộ sách Larouss chưa xuất bản	115.093.440	115.093.440
Chi phí mua bản quyền ấn phẩm	5.155.500	5.155.500
<b>Cộng</b>	<b>663.777.399</b>	<b>599.697.399</b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị: VND*

	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
01/01/2023	1.315.932.400	1.315.932.400
31/03/2023	1.315.932.400	1.315.932.400
<b>Khấu hao</b>		
01/01/2023	459.144.866	459.144.866
31/03/2023	459.144.866	459.144.866
<b>Giá trị còn lại</b>		
01/01/2023	856.787.534	856.787.534
31/03/2023	856.787.534	856.787.534

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2023	Đơn vị: VND 01/01/2023
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>121.325.000</b>	<b>405.000</b>
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	10.600.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	110.725.000	405.000
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>1.392.889.603</b>	<b>744.315.978</b>
Công ty CP Dịch vụ viễn thông và In bưu điện	50.000.000	50.000.000
Phải trả nhuận bút tác giả năm 2021	12.999.301	12.999.301
Phải trả nhuận bút tác giả năm 2022	178.949.996	305.516.496
Phải trả nhuận bút tác giả năm 2023	19.433.125	-
Công ty cổ phần In Phúc yên	219.107.000	300.000.000
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại P.P	600.000.000	-
Nhà máy in bộ quốc phòng	200.000.000	-
Phải trả người bán khác	112.400.181	75.800.181
<b>Cộng</b>	<b>1.514.214.603</b>	<b>744.720.978</b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/03/2023	Đơn vị: VND 01/01/2023
Các đối tượng khác	3.800.000	3.800.000
<b>Cộng</b>	<b>3.800.000</b>	<b>3.800.000</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/03/2023	Đơn vị: VND 01/01/2023
Thuế giá trị gia tăng	2.363.050	16.151.749
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	268.189.544
Thuế thu nhập cá nhân	9.618.800	87.748.019
Các loại thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.981.850</b>	<b>372.089.312</b>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2023	Đơn vị: VND 01/01/2023
Phải trả các khoản trích theo lương	58.374.735	85.174.735
<b>Cộng</b>	<b>58.374.735</b>	<b>85.174.735</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Đơn vị: VND Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2023	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	3.175.555.104
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.845.099.197
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.763.229.267
<b>Số dư tại 31/03/2023</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>962.203.411</b>	<b>3.093.685.174</b>

*b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 03 năm 2023*

	Đơn vị: VND 31/03/2023	01/01/2023
Vốn đầu tư của Nhà Xuất bản giáo dục VN	2.173.000.000	2.173.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	7.827.000.000	7.827.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

*c) Cổ phiếu*

	Đơn vị: VND 31/03/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 (VND)		

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Nợ khó đòi đã xử lý*

Tên đơn vị	Giá trị	Đơn vị: VND Nguyên nhân
Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.924	Khách hàng đã phá sản



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	Quý 1/2023	Quý 1/2022
Doanh thu bán hàng	2.659.181.269	15.136.343.329
<b>Cộng</b>	<b>2.659.181.269</b>	<b>15.136.343.329</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	Quý 1/2023	Quý 1/2022
Giá vốn của hàng tồn kho đã tiêu thụ	2.080.681.282	12.373.143.663
<b>Cộng</b>	<b>2.080.681.282</b>	<b>12.373.143.663</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	Quý 1/2023	Quý 1/2022
Lãi tiền gửi, tiền tiết kiệm, cho vay	2.491.138	21.390.359
<b>Cộng</b>	<b>2.491.138</b>	<b>21.390.359</b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	Quý 1/2023	Quý 1/2022
Chi phí bán hàng	88.053.023	134.647.428
Chi phí quản lý doanh nghiệp	574.808.032	1.898.252.101

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	Quý 1/2023	Quý 1/2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(81.869.930)	751.690.496
Thuế thu nhập doanh nghiệp		100.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(81.869.930)</b>	<b>651.690.496</b>

**22. Giao dịch với các bên liên quan**

**a/ Thông tin về các bên liên quan**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội.	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP in SGK tại Tp Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP sách và TBDG miền Bắc	Chung Công ty đầu tư

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty CP sách và TBDG miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP sách và TBGD miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Phương Nam.	Chung Công ty đầu tư


**b/ Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong quý 1/2023**

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị: VND	Giá trị
<b>Bán hàng</b>			
Công ty CP sách và TBDG miền Bắc	Cung ứng SGK, sách ANQP		40.712.100
Công ty CP sách và TBDG miền Trung	Cung ứng SGK, sách ANQP		160.760.600
Công ty CP sách và TBGD miền Nam	Cung ứng SGK, sách ANQP		558.808.250
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Phí sử dụng thương hiệu		10.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB		110.320.000
Công ty CP Sản xuất & TM P.P	Nhập giấy		1.177.571.560
Công ty CP In Phúc Yên	In sách ĐH-DN, ANQP		19.107.000
Nhà máy In Bộ Quốc Phòng	In sách ANQP		438.400.050
Công ty CP in SGK tại TP. Hà Nội	Chi phí thuê kho		67.200.000



Trần Đình Hoàng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2023

  
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Phụ trách kế toán

  
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu